

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/ HNGĐ - ST

Ngày: 28/12/2020

V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Trọng và bà Nguyễn Thị Xuyên

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh

Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ tham gia phiên tòa:

Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 399/2020/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn B, sinh năm 1986 - Có mặt

Trú tại: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Lý Thị L, sinh năm 1984 - Vắng mặt có lí do

Trú tại: Xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn B trình bày: Tôi và chị Lý Thị L về chung sống năm 2014, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị L về chung sống làm dâu cùng bố mẹ tôi, khi chị L có thai 3 tháng không hiểu vì lí do gì chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Tôi và mẹ tôi có sang đón vài lần nhưng chị L không chịu về, sau khi chị L sinh con gia đình tôi vẫn đi lại nhận cháu. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân giữa tôi và chị L không thể kéo dài được, vợ chồng sống không còn tình cảm với nhau khiến mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy xin ly hôn chị L.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Lý Quỳnh N, sinh ngày 17/3/2015. Do chúng tôi không đăng ký kết hôn nên khi khai sinh cháu lấy theo họ của mẹ cháu. Khi ly hôn tôi để cho vợ tôi tiếp tục nuôi con chung vì cháu là con gái và vẫn sống với mẹ từ nhỏ và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần góp phí tổn nuôi con chung mà vợ chồng chúng tôi sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có và tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn là chị Lý Thị L trình bày: Tôi nhất trí với lời khai của anh B về thời gian kết hôn, tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay như anh B đã trình bày. Vợ chồng tôi lấy nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn và sau khi chung sống 3 tháng khi tôi có thai anh B không quan tâm đến tôi nên tôi về nhà mẹ đẻ sống từ đó đến nay. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm nên tôi nhất trí ly hôn với anh B.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là Lý Quỳnh N, sinh ngày 17/3/2015. Cháu vẫn ở với tôi từ khi mới sinh, nay tôi vẫn có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần góp phí tổn nuôi con chung mà vợ chồng chúng tôi sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Do vụ án không được hoà giải và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh B giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị L, về con chung để cho chị L được nuôi dưỡng và anh chị sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản chung.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị L trong quá trình giải quyết vụ án, anh B nhất trí với lời khai của chị L và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị L.

Về con chung: giao cháu Lý Quỳnh N, sinh ngày 17/3/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

Về án phí anh B phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự mà hai đương sự đều cư trú tại xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với bị đơn, chị Lý Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị L.

[2] Về nội dung: Năm 2014 anh Nguyễn Văn B và chị Lý Thị L cưới nhau theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân

của anh B và chị L không được nhà nước thừa nhận. Sau khi cưới hai bên chung sống được vài tháng thì chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh B có đơn xin ly hôn chị L, chị cũng đồng ý. Tuy Nền khi kết hôn hai bên đã không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị L.

Về con chung: Anh B và chị L đều xác định trong quá trình chung sống có 01 con chung là Lý Quỳnh N, sinh ngày 17/3/2015 hiện cháu ở với mẹ từ khi sinh ra. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, anh B nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Anh B phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn B và chị Lý Thị L.

2. *Về con chung:* Giao cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lý Quỳnh N, sinh ngày 17/3/2015 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh B phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước, được chuyển từ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0013640 ngày 20/11/2020 tại Chi cục THADS huyện Đ.

Báo cho cho anh B, chị L biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với anh B; kể từ ngày nhận được bản án đối với chị L.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đại Từ
- THADS huyện Đại Từ
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã
- Lưu VT, HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỒNG MÂY

